

Số: 188/BC-UBND

Gia Lai, ngày 09 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO
Về kết quả công tác cải cách hành chính năm 2015

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Về xây dựng kế hoạch cải cách hành chính

Thực hiện Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ, Quyết định số 04/QĐ-UBND ngày 04/01/2012 của UBND tỉnh về ban hành Chương trình cải cách hành chính (CCHC) nhà nước giai đoạn 2011-2020 của tỉnh; ngày 09/12/2014, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 709/QĐ-UBND về Kế hoạch CCHC năm 2015 của tỉnh, xác định đầy đủ các nhiệm vụ CCHC trên các lĩnh vực theo Chương trình CCHC của Chính phủ, của tỉnh và bố trí kinh phí triển khai với 07 nội dung về cải cách thể chế; cải cách thủ tục hành chính; cải cách tổ chức bộ máy; xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; cải cách tài chính công; hiện đại hóa nền hành chính; công tác chỉ đạo, điều hành, thông tin, tuyên truyền về CCHC. Theo đó, xác định rõ mục tiêu, kết quả phải đạt trong năm; đề ra nhiệm vụ, giải pháp thực hiện CCHC theo từng lĩnh vực; phân công cụ thể trách nhiệm cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp và thời gian hoàn thành kế hoạch.

Đến nay, công tác cải cách hành chính đã được triển khai thực hiện theo đúng kế hoạch đề ra (hoàn thành 33/33 nhiệm vụ cụ thể trong kế hoạch, đạt 100% KH); trong đó một số công việc được quan tâm thực hiện thường xuyên như: Cập nhật công bố đầy đủ, kịp thời TTHC và các quy định có liên quan theo quy định; Thực hiện việc tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh theo đúng quy định của Chính phủ; Công khai TTHC trên Công thông tin điện tử của tỉnh...

Triển khai Kế hoạch cải cách hành chính năm 2015 của tỉnh, các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố căn cứ nhiệm vụ cải cách hành chính (CCHC) được UBND tỉnh phân công và tình hình thực tế để ban hành kế hoạch CCHC năm 2015 của cơ quan, đơn vị và gửi UBND tỉnh, Sở Nội vụ. Qua theo dõi cho thấy chất lượng kế hoạch CCHC năm 2015 của các sở, ban, ngành và địa phương có chuyển biến tích cực, thể hiện rõ sự quan tâm nhiều hơn của thủ trưởng, người đứng đầu các cơ quan, đơn vị đối với công tác CCHC. Sau khi ban hành kế hoạch, nhiều cơ quan, đơn vị đã chủ động tổ chức triển khai thực hiện.

2. Về tổ chức chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính

Để tổ chức thực hiện và triển khai các nội dung, nhiệm vụ công tác cải cách hành chính năm 2015 đúng theo yêu cầu của Trung ương, UBND tỉnh đã ban hành kịp thời các Kế hoạch như: Quyết định số 708/QĐ-UBND ngày 09/12/2014 về việc ban hành Kế hoạch tuyên truyền công tác CCHC năm 2015; Quyết định số 710/QĐ-

UBND ngày 09/12/2014 về việc phê duyệt Kế hoạch rà soát thủ tục hành chính trọng tâm năm 2015; Quyết định số 686/QĐ-UBND ngày 28/11/2014 về việc ban hành Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính năm 2015; Quyết định số 706/QĐ-UBND ngày 08/12/2014 về việc ban hành Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin tỉnh năm 2015; Quyết định số 69/QĐ-UBND ngày 06/02/2015 về việc phê duyệt Kế hoạch kiểm tra việc xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến Hệ thống Quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 tại các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước; Quyết định số 98/QĐ-UBND ngày 13/02/2015 về việc phê duyệt Kế hoạch cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của các cơ quan Nhà nước thuộc tỉnh năm 2015 và định hướng đến năm 2020; Quyết định số 102/QĐ-UBND ngày 13/02/2015 về việc ban hành Kế hoạch rà soát, chuẩn hóa và công khai thủ tục hành chính năm 2015; Kế hoạch theo dõi, thi hành pháp luật năm 2015 (Kế hoạch số 5156/KH-UBND ngày 30/12/2014); Kế hoạch rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (Kế hoạch số 5157/KH-UBND ngày 30/12/2014); Triển khai Quyết định số 110/QĐ-BNV ngày 02/3/2015 của Bộ Nội vụ, UBND tỉnh đã ban hành và tổ chức thực hiện Quyết định số 245/QĐ-UBND ngày 23/4/2015 về việc ban hành Kế hoạch tổng kết việc thực hiện Quyết định số 464/QĐ-UBND ngày 05/7/2011 của UBND tỉnh, sơ kết công tác CCHC nhà nước giai đoạn I (2011-2015) và đề xuất phương hướng, nhiệm vụ giai đoạn II (2016-2020). Ngoài ra, Ủy ban nhân dân tỉnh còn ban hành một số văn bản chỉ đạo, điều hành về công tác cải cách hành chính như: Quyết định số 834/QĐ-UBND ngày 17/9/2015 về ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 10/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước các cấp trong công tác cải cách thủ tục hành chính; Văn bản số 235/UBND-NC ngày 20/01/2015 về việc tăng cường quản lý, sử dụng biên chế và số lượng người làm việc trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh; Văn bản số 981/UBND-NC ngày 30/3/2015 về việc chấn chỉnh kỷ cương hành chính, thời gian làm việc của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động; Văn bản số 1928/UBND-NC ngày 01/6/2015 chỉ đạo các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã triển khai thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông theo Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg ngày 25/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ; Văn bản số 2021/UBND-VHXXH ngày 04/6/2015 về việc chỉ đạo thực hiện TTHC tại bộ phận “một cửa điện tử” ở các địa phương nhằm thống nhất trong toàn tỉnh việc thực hiện TTHC là cấp chứng minh nhân dân và việc thu thuế, phí, lệ phí trong thực hiện các TTHC tập trung tại bộ phận “một cửa điện tử” tại UBND cấp huyện; Văn bản số 3084/UBND-NC ngày 27/7/2015 về triển khai thực hiện Thông tư liên tịch số 05/2015/TTLT-BTP-BCA-BYT trên địa bàn tỉnh; chỉ đạo Sở Tư pháp kiểm tra, rà soát nội dung Quyết định số 07/2014/QĐ-UBND ngày 16/6/2014 của UBND tỉnh về Quy chế thực hiện cơ chế một cửa liên thông nhóm TTHC thuộc lĩnh vực hộ tịch, bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi và đăng ký, quản lý cư trú trên địa bàn tỉnh Gia Lai để trình UBND tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung Quy chế của tỉnh phù hợp với nội dung Thông tư liên tịch số 05/2015/TTLT-BTP-BCA-BYT; Văn bản số 4881/UBND-CNXXD ngày 03/11/2015 về việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 24/CT-TTg ngày 01/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh thực hiện cải cách TTHC trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; Văn bản số

5005/UBND-VHXXH ngày 09/11/2015 về việc triển khai các phần mềm ứng dụng CNTT phục vụ CCHC...

Chỉ đạo các sở, ngành, địa phương triển khai một số nhiệm vụ cấp bách để nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh (văn bản số 2691/UBND-KTTH ngày 02/7/2015), trong đó tập trung các giải pháp gấp mặt, đối thoại với doanh nghiệp để kịp thời tháo gỡ ách tắc, khó khăn cho doanh nghiệp; điều chỉnh, bãi bỏ các cơ chế chính sách của tỉnh không còn phù hợp. UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch về cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh Gia Lai trong 02 năm 2015-2016 (Kế hoạch số 5135/KH-UBND ngày 22/9/2015); Quyết định số 559 ngày 01/10/2015 về việc ban hành Chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp giai đoạn 2015-2020 trên địa bàn tỉnh.

Qua triển khai Kế hoạch xác định Chỉ số cải cách hành chính năm 2014 của sở, ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Nội vụ phối hợp các sở, ngành liên quan nghiên cứu, tham mưu UBND tỉnh điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung các tiêu chí trong Bộ Chỉ số CCHC của sở, ban, ngành tỉnh và UBND cấp huyện cho phù hợp với thực tế và mục tiêu, yêu cầu công tác CCHC.

Thực hiện Quyết định số 876/QĐ-BNV ngày 19/8/2015 của Bộ Nội vụ về việc phê duyệt và công bố Chỉ số CCHC năm 2014 của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, UBND tỉnh đã chỉ đạo các sở, ngành liên quan đánh giá, rút kinh nghiệm về thực hiện Chỉ số CCHC năm 2014 của tỉnh và đề ra các giải pháp cải thiện chỉ số CCHC ở những năm tiếp theo. Qua đó, các sở, ngành liên quan đến 8 lĩnh vực của bộ chỉ số CCHC đã chỉ ra những hạn chế, yếu kém cần khắc phục đồng thời đề xuất các giải pháp, nhiệm vụ cụ thể để kịp thời chấn chỉnh, chỉ đạo các đơn vị, địa phương thực hiện tốt hơn.

Nhằm tạo sự chuyển biến mạnh về chất lượng, hiệu quả giải quyết TTHC cho cá nhân, tổ chức theo cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông trên địa bàn tỉnh, ngày 29/9/2015, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 556/QĐ-UBND về việc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg ngày 25/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Quy chế thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương.

Ngày 20/10/2015, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 31/2015/QĐ-UBND về ban hành Quy định thực hiện cơ chế một cửa liên thông trong giải quyết hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất cho đối tượng là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

3. Về kiểm tra công tác cải cách hành chính

Hoạt động kiểm tra về công tác CCHC tiếp tục được UBND tỉnh quan tâm và tổ chức thực hiện nghiêm túc. Ngay từ đầu năm, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 72/QĐ-UBND ngày 20/01/2015 để phê duyệt Kế hoạch kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2015; Đồng thời, thành lập 03 Đoàn kiểm tra liên ngành của tỉnh (Quyết định số 315/QĐ-UBND ngày 06/4/2015), thực hiện việc kiểm tra tại 05 sở và 10 huyện (chiếm 42,8% cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện) nhằm kiểm tra, đánh giá công tác cải cách hành chính tại cơ quan hành chính các cấp

trên địa bàn tỉnh; giám sát, đánh giá chất lượng và tiến độ thực hiện kế hoạch, nhiệm vụ cải cách hành chính của các cơ quan, địa phương; với các nội dung cụ thể như: Công tác chỉ đạo điều hành cải cách hành chính; Tình hình triển khai và kiểm tra việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương, của tỉnh ban hành; Công tác chỉ đạo, tổ chức thực hiện hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính, cải cách thủ tục hành chính; Việc thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông; Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước; Việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2008 tại cơ quan, đơn vị.

Đến đầu quý III/2015, Đoàn kiểm tra công tác CCHC của tỉnh đã hoàn thành việc kiểm tra 15/15 cơ quan, địa phương đã được đề ra trong Kế hoạch (đạt 100% KH). Qua kiểm tra, Đoàn kiểm tra đã phát hiện, chỉ ra những tồn tại trong công tác CCHC tại các cơ quan, địa phương được kiểm tra; trên cơ sở báo cáo kết quả kiểm tra của Đoàn kiểm tra liên ngành, UBND tỉnh đã có văn bản số 3152/UBND-NC ngày 30/7/2015 để chấn chỉnh những hạn chế, thiếu sót trong công tác CCHC của các cơ quan, địa phương; đến nay, có 15/15 cơ quan, địa phương được kiểm tra đã gửi báo cáo kết quả khắc phục về UBND tỉnh. Tất cả các vấn đề phát hiện qua kiểm tra đều được UBND tỉnh chỉ đạo xử lý kịp thời.

4. Về công tác tuyên truyền cải cách hành chính

UBND tỉnh đã chỉ đạo tăng cường thực hiện công tác tuyên truyền về cải cách hành chính năm 2015 thông qua Quyết định số 708/QĐ-UBND ngày 09/12/2014 về việc ban hành Kế hoạch tuyên truyền công tác CCHC năm 2015 của tỉnh. Mục tiêu, yêu cầu, nội dung, hình thức tuyên truyền CCHC cơ bản bám sát các nội dung của Quyết định số 1332/QĐ-BNV ngày 14/2/2012 của Bộ Nội vụ về việc phê duyệt Đề án “Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền cải cách hành chính giai đoạn 2013-2015” như: Công khai thủ tục hành chính tại cơ quan nhà nước; Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính; Tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng, hội nghị về công tác cải cách hành chính cho cán bộ, công chức, viên chức; Xây dựng chuyên mục, chuyên trang về cải cách hành chính trên cổng/trang thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị; Xây dựng Chuyên mục cải cách hành chính trên Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh; Báo Gia Lai xây dựng chuyên mục “Trao đổi ý kiến với bạn đọc”; Tuyên truyền trên Đài Truyền thanh - Truyền hình huyện, thị xã, thành phố; Mời Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các đoàn thể chính trị - xã hội phối hợp tham gia tuyên truyền cải cách hành chính bằng các hình thức thiết thực, đa dạng, hiệu quả.

Trong năm 2015, tỉnh đã tuyên truyền đầy đủ các nội dung theo Kế hoạch (đạt 100% KH), đúng mục đích, yêu cầu và đối tượng đã đề ra, với nhiều hình thức, biện pháp tuyên truyền như: Sở Tư pháp đã chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh duy trì việc nhập tục hành chính, gửi dữ liệu và đề nghị công khai thủ tục hành chính được công bố mới, công bố sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính; tất cả các cơ quan, đơn vị thực hiện niêm yết công khai đầy đủ, rõ ràng và kịp thời các thủ tục hành chính đã được Chủ tịch UBND tỉnh công bố tại trụ sở cơ quan, đơn vị, địa phương theo quy định; Sở Thông tin và Truyền thông hướng dẫn, hỗ trợ các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện liên kết Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính với cổng/trang thông tin điện tử của các cơ quan, đơn

vị, địa phương nhằm đáp ứng nhu cầu tìm kiếm, khai thác thủ tục hành chính và các văn bản pháp luật quy định về thủ tục hành chính. Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã và các cơ quan báo chí đã công khai địa chỉ cơ quan, website, số điện thoại tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị và hộp thư điện tử để cá nhân, tổ chức nhận biết các kênh thông tin phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính. Sở Nội vụ phối hợp Vụ Cải cách hành chính - Bộ Nội vụ tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng lãnh đạo, quản lý, điều hành công tác CCHC cho đối tượng là lãnh đạo Văn phòng các sở, ban, ngành tỉnh, lãnh đạo Phòng Nội vụ UBND cấp huyện, lãnh đạo các cơ quan Đảng, Mặt trận, đoàn thể tỉnh và các cơ quan ngành dọc ở Trung ương trên địa bàn tỉnh; phối hợp Viện nghiên cứu đào tạo và bồi dưỡng cán bộ Đà Nẵng tổ chức 04 lớp tập huấn công tác cải cách hành chính cho công chức chuyên môn cấp tỉnh, huyện và công chức trực tiếp làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã. Trên cổng/trang thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị, địa phương thường xuyên đăng tải các tin, bài, hoạt động cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh; chương trình, đề án về cải cách hành chính. Sở Nội vụ, Sở Tư pháp phối hợp với Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh tiếp tục duy trì chuyên mục CCHC, Kiểm soát TTHC phát sóng định kỳ hàng tháng trên sóng truyền hình tỉnh nhằm tuyên truyền rộng rãi đến tất cả cá nhân, tổ chức về CCHC, cải cách TTHC, kiểm soát TTHC..., góp phần bảo đảm thực hiện quyền và lợi ích hợp pháp của người dân, tổ chức và doanh nghiệp; góp phần hoàn thiện và nâng cao chất lượng văn bản quy phạm pháp luật; nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước trong bối cảnh chủ động hội nhập quốc tế. Công tác thông tin, tuyên truyền CCHC của tỉnh trên phương tiện thông tin tiếp tục được các địa phương quan tâm, duy trì thường xuyên, định kỳ, qua đó góp phần nâng cao nhận thức và hành động cho đội ngũ CBCCVC và nhân dân về CCHC. Sở Nội vụ đã phối hợp với Công đoàn Viên chức tỉnh đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền CCHC bằng nhiều hình thức để tuyên truyền sâu rộng trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, đoàn viên công đoàn góp phần nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm về vị trí, tầm quan trọng của việc thực hiện CCHC đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Về cải cách thể chế

1.1. Đổi mới và nâng cao chất lượng công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật

Công tác ban hành văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh tuân thủ đúng quy trình, thủ tục, đảm bảo yêu cầu về tính hợp hiến, hợp pháp, phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội tại địa phương, đảm bảo hiệu lực pháp lý và thẩm quyền ban hành theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND. Dự thảo văn bản quy phạm pháp luật có quy định thủ tục hành chính được cơ quan xây dựng dự thảo thực hiện đánh giá tác động và lấy ý kiến của Sở Tư pháp trước khi thẩm định và trình UBND tỉnh ban hành.

Trong năm, Sở Tư pháp đã tiến hành thẩm định, kiểm tra, tự kiểm tra và góp ý 282 văn bản, trong đó: thẩm định 63 dự thảo văn bản, góp ý 60 dự thảo văn bản, tự

kiểm tra 29 văn bản của UBND tỉnh, kiểm tra theo thẩm quyền 130 văn bản, không phát hiện văn bản nào trái pháp luật.

1.2. Xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật

a) Xây dựng và ban hành các văn bản QPPL

Năm 2015, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 723/QĐ-UBND ngày 17/12/2014 về việc ban hành Chương trình xây dựng quyết định, chỉ thị của UBND tỉnh năm 2015, gồm 32 quyết định và 03 chỉ thị; ngày 04/6/2015, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 319/QĐ-UBND về việc bổ sung Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của UBND tỉnh năm 2015 với 23 quyết định và 01 chỉ thị.

b) Rà soát văn bản QPPL

UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 5157/KH-UBND ngày 30/12/2014 về việc rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật; Toàn tỉnh thực hiện rà soát 369 văn bản (trong đó, cấp tỉnh: 22 văn bản, cấp huyện: 347 văn bản); Kết quả rà soát: 288 văn bản còn hiệu lực, 02 văn bản hết hiệu lực một phần và 79 văn bản hết hiệu lực toàn bộ; 120 văn bản kiến nghị xử lý sau rà soát, trong đó: đã xử lý 115 văn bản, đang xử lý 05 văn bản.

c) Tổ chức thực hiện và kiểm tra việc thực hiện các văn bản QPPL

UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 5156/KH-UBND ngày 30/12/2014 về việc theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2015; ban hành Quyết định số 462/QĐ-UBND ngày 27/5/2015 về việc thành lập Đoàn Kiểm tra liên ngành đối với công tác theo dõi thi hành pháp luật và xử lý vi phạm hành chính năm 2015. Đã tiến hành kiểm tra công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật tại 01 sở và 04 huyện; kiểm tra công tác xử lý vi phạm hành chính tại 03 đơn vị và 03 địa phương. Qua kiểm tra cho thấy, công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật và xử lý vi phạm hành chính tại các đơn vị đã được triển khai thực hiện theo quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012, Nghị định số 59/2012/NĐ-CP và các Kế hoạch của UBND tỉnh nhưng việc thực hiện vẫn còn nhiều khó khăn, vướng mắc về thể chế, về nguồn nhân lực, kinh phí.

2. Cải cách thủ tục hành chính

2.1. Thực hiện cải cách TTHC trên các lĩnh vực quản lý nhà nước theo quy định của Trung ương và các bộ, ngành

Tiếp tục triển khai thực hiện tốt công tác cải cách hành chính theo Nghị quyết 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ về ban hành tổng thể Cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2015 và Quyết định số 04/QĐ-UBND ngày 04/01/2012 về ban hành Chương trình cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020 phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, tỉnh đã ban hành hệ thống các văn bản chỉ đạo, tổ chức thực hiện các quy định của Chính phủ về công tác kiểm soát TTHC như: Quy chế công bố, công khai thủ tục hành chính, Quy chế tiếp nhận, xử lý phản ánh kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính, Quy chế hoạt động của cán bộ đầu mối thực hiện nhiệm vụ kiểm soát TTHC, Quy định về việc áp dụng nội dung chi và mức chi cho các hoạt động kiểm soát TTHC trên địa bàn tỉnh, ban hành các Kế hoạch rà soát TTHC trọng tâm, Kế hoạch kiểm soát TTHC, Kế hoạch rà soát, chuẩn hóa và công khai TTHC...

2.2. Kiểm soát thủ tục hành chính

a) Kiểm soát việc ban hành mới các TTHC thuộc thẩm quyền của tỉnh

Công tác kiểm soát việc ban hành mới các TTHC thuộc thẩm quyền của tỉnh được thực hiện đúng theo quy định (Quyết định số 25/2013/QĐ-UBND ngày 26/8/2013 của UBND tỉnh), kiểm soát chặt chẽ chất lượng quy định về TTHC trong dự thảo văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền ban hành của UBND tỉnh thông qua cơ chế đánh giá tác động của TTHC, đảm bảo quy trình, thủ tục lấy ý kiến góp ý và thẩm định đối với dự thảo văn bản QPPL có quy định về TTHC.

b) Về rà soát, đánh giá và thực hiện các quy định về đơn giản hóa TTHC

Tỉnh đã ban hành Quyết định số 710/QĐ-UBND ngày 09/12/2014 về việc phê duyệt Kế hoạch rà soát TTHC trọng tâm năm 2015, với tổng số TTHC được tiến hành rà soát, đánh giá là 17 TTHC; chỉ đạo, giao các đơn vị rà soát các quy định TTHC còn bất cập, không cần thiết, không phù hợp hoặc không đáp ứng các quy định tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát TTHC, kịp thời phát hiện, xây dựng phương án đơn giản hóa, cắt giảm chi phí tuân thủ TTHC làm cơ sở kiến nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ các TTHC rườm rà, phức tạp, gây khó khăn cho tổ chức, cá nhân khi thực hiện; kết quả rà soát có 13 TTHC kiến nghị phương án đơn giản hóa, tiết kiệm chi phí tuân thủ TTHC: 3.249.334.831 đồng/năm và tỉ lệ cắt giảm chi phí 17,32%.

Việc tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị về TTHC được các cấp, ngành trên địa bàn tỉnh niêm yết công khai tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả. Trong năm, Sở Tư pháp nhận và chuyển đến cơ quan, người có thẩm quyền xử lý theo quy định 01 trường hợp phản ánh, kiến nghị, hiện phản ánh, kiến nghị này đã được xử lý xong.

c) Về công khai thủ tục hành chính

Năm 2015, tỉnh đã ban hành 39 Quyết định công bố TTHC, công bố 455 TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh. Các TTHC sau công bố đã được các đơn vị, địa phương niêm yết công khai tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, công khai trên trang thông tin điện tử nhằm tạo thuận lợi cho tổ chức, cá nhân tra cứu, thực hiện. Công tác nhập hồ sơ TTHC được Sở Tư pháp tổ chức thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tư pháp, các TTHC công bố đã được nhập ngay vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC và đề nghị Cục kiểm soát TTHC công khai để phục vụ nhu cầu khai thác của các tổ chức, cá nhân.

Việc niêm yết công khai TTHC được các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện, cấp xã quan tâm thực hiện theo chỉ đạo của UBND tỉnh. Nội dung thông tin về TTHC được các đơn vị, địa phương niêm yết ở vị trí thuận lợi, dễ tiếp cận và tra cứu thông tin tại trụ sở cơ quan nhà nước. Tùy theo đặc điểm của đơn vị, địa phương, các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố thực hiện việc công khai TTHC bằng nhiều hình thức như: niêm yết trên bảng, trụ xoay, bản hướng dẫn TTHC, đăng tải trên cổng thông tin điện tử của đơn vị, địa phương... để phục vụ nhu cầu tra cứu của đối tượng thực hiện TTHC.

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

3.1. Rà soát về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, biên chế của UBND và cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện

Thực hiện Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ về việc Quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Thông tư liên tịch giữa các bộ, ngành Trung ương, trong năm 2015, UBND tỉnh đã ban hành một số quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của một số cơ quan như: Thanh tra tỉnh, Sở Nội vụ, Sở Tư pháp, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Giáo dục và Đào tạo; Ban Dân tộc; ban hành văn bản hướng dẫn UBND cấp huyện quy định chức năng, nhiệm vụ của các phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện.

Về công tác quản lý, sử dụng biên chế: Thực hiện Nghị định số 108/2014/NĐ-CP của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế. Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành văn bản chỉ đạo về việc tăng cường quản lý, sử dụng biên chế và số lượng người làm việc trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh; Bổ sung 90 biên chế sự nghiệp năm 2014 và 98 chỉ tiêu hợp đồng lao động theo Nghị định 68 của Chính phủ cho các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc; chuyển giao biên chế của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện về Sở Tài nguyên và Môi trường quản lý. Chỉ đạo Sở Nội vụ hướng dẫn UBND cấp huyện bố trí công chức thực hiện quản lý nhà nước về kinh tế tập thể và Hợp tác xã; xây dựng và lấy ý kiến các cơ quan, địa phương về kế hoạch tinh giản biên chế của tỉnh; tiến hành làm việc với các cơ quan, địa phương, tổng hợp báo cáo UBND tỉnh về số lượng người làm việc của sự nghiệp giáo dục năm 2015; theo dõi việc sử dụng biên chế hành chính, biên chế sự nghiệp tại các cơ quan, địa phương trên địa bàn tỉnh. Tổ chức Hội nghị triển khai thực hiện Nghị quyết 39 của Bộ Chính trị và Nghị định 108/2014/NĐ-CP của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế; đồng thời hướng dẫn các cơ quan, địa phương trên địa bàn tỉnh xây dựng Đề án thực hiện. Tiến hành thẩm định đề án tinh giản biên chế của các cơ quan đơn vị; tổng hợp danh sách tinh giản biên chế 6 tháng đầu năm gửi Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính để cấp kinh phí.

3.2. Về kiểm tra, đánh giá tình hình tổ chức và hoạt động của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện

UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Nội vụ thực hiện việc kiểm tra, đánh giá tình hình tổ chức và hoạt động của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện; Sở Nội vụ đã ban hành Quyết định số 1552/QĐ-SNV ngày 12/11/2014 về việc phê duyệt kế hoạch thanh tra, kiểm tra công tác nội vụ năm 2015 tại 06 cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh và 06 huyện; đồng thời kiểm tra đột xuất việc chấp hành giờ giấc làm việc (tại cơ quan và ngoài cơ quan) ít nhất 01 lần/tháng; Nội dung thanh tra, kiểm tra chủ yếu tập trung vào việc thực hiện các quy định của pháp luật về tổ chức bộ máy, quản lý biên chế công chức, viên chức được giao thuộc thẩm quyền phân cấp cho cấp sở, cấp huyện; các nội dung liên quan đến việc quản lý, sử dụng công chức, viên chức; việc thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức, cán bộ, công chức cấp xã và bố trí sử dụng sau khi đào tạo, bồi dưỡng; một số lĩnh vực công việc liên quan đến công tác phòng, chống tham nhũng...Đến nay, Sở Nội vụ đã hoàn thành việc thanh tra, kiểm tra theo Kế hoạch (đạt 100% KH); đồng thời phối hợp với Thanh tra tỉnh, Báo Gia Lai, Đài Phát thanh - Truyền hình thường xuyên tổ chức Đoàn kiểm tra

liên ngành tiến hành kiểm tra đột xuất việc chấp hành giờ giấc làm việc của CBCCVC. Các sở, ngành, UBND cấp huyện duy trì công tác kiểm tra việc chấp hành giờ giấc làm việc của CBCCVC thuộc cơ quan, đơn vị mình.

3.3. Về phân cấp quản lý

UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo các sở, ngành rà soát, đề xuất sửa đổi các quy định phân cấp trong lĩnh vực nhân sự, đầu tư, quản lý ngân sách, khai thác khoáng sản phù hợp với các quy định của Trung ương và thực hiện nghiêm túc các quy định về phân cấp trong các lĩnh vực; ban hành Quyết định số 06/2015/QĐ-UBND ngày 02/02/2015 sửa đổi, bổ sung Điều 4 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 19/2011/QĐ-UBND ngày 13/7/2011 về việc ban hành Quy định về phân cấp quản lý nhà nước đối với tài sản Nhà nước tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương trên địa bàn tỉnh.

3.4. Về thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông

Hầu hết các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và 17/17 huyện, thị xã, thành phố; 222/222 xã, phường, thị trấn thực hiện có chất lượng cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông. Các lĩnh vực công việc liên quan trực tiếp đến công dân và doanh nghiệp hầu hết được thực hiện theo cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông. Quy chế hoạt động của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa thường xuyên được bổ sung, hoàn thiện nhằm tăng cường mối quan hệ phối hợp giữa các đơn vị tham gia giải quyết TTHC, xác định cụ thể trách nhiệm của cơ quan hành chính, cán bộ, công chức trong giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân. Các sở, ngành tỉnh đang khẩn trương tổ chức rà soát các văn bản của tỉnh quy định về cơ chế phối hợp, quy trình tiếp nhận, giải quyết TTHC liên thông trên các lĩnh vực: Đầu tư, xây dựng cơ bản, đất đai, đăng ký kinh doanh, cấp phép xây dựng, tư pháp ... để tham mưu, đề xuất UBND tỉnh quy định thực hiện cơ chế một cửa liên thông trên các lĩnh vực theo quy định tại Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg.

Đến nay, 14/17 đơn vị hành chính cấp huyện đã được triển khai thực hiện mô hình một cửa điện tử theo hướng hiện đại; UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tiếp tục đầu tư, triển khai thực hiện mô hình một cửa điện tử tại các sở, ngành còn lại, nhằm hiện đại hóa nền hành chính, nâng cao chất lượng phục vụ, đáp ứng nhu cầu giải quyết TTHC của tổ chức, cá nhân; ban hành Quyết định số 18/2015/QĐ-UBND ngày 18/8/2015 ban hành Quy chế quản lý, vận hành và khai thác hệ thống một cửa điện tử trong các cơ quan hành chính nhà nước ở tỉnh.

4. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

4.1. Về xác định vị trí việc làm và cơ cấu công chức, viên chức

Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện đã hoàn thành việc xây dựng kế hoạch biên chế công chức, xác định vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức theo Nghị định số 36/2013/NĐ-CP, Nghị định số 41/2012/NĐ-CP của Chính phủ. Tỉnh đã hoàn thiện Đề án xác định vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu chức danh nghề nghiệp của viên chức, gửi Bộ Nội vụ phê duyệt theo quy định.

4.2. Về công chức cấp xã

Hiện nay, tổng số cán bộ chuyên trách cấp xã của tỉnh là 2.390 người, trong đó, trình độ đại học: 326 người (chiếm tỷ lệ 13,6%); Thạc sỹ: 3 người (0,12%); Cao đẳng: 27 người (1,1%); Trung cấp: 852 người (35,6%); Sơ cấp: 153 người (6,4%); Chưa qua đào tạo: 1029 (43%).

Tổng số công chức cấp xã của tỉnh là 2.375 người, trong đó, trình độ đại học: 697 người (chiếm tỷ lệ 29,3%); Thạc sỹ: 3 người (0,1%); Cao đẳng: 249 người (10,4%); Trung cấp: 1360 người (57,2%); Sơ cấp: 41 người (1,7%); Chưa qua đào tạo: 25 (1%).

Thực hiện quy định về tuyển dụng công chức cấp xã, lựa chọn người có phẩm chất, trình độ chuyên môn và năng lực đáp ứng yêu cầu công tác, UBND tỉnh đã ban hành quy định sửa đổi Quy chế tuyển dụng công chức cấp xã trên địa bàn tỉnh. UBND các huyện, thị xã, thành phố đã tổ chức xét tuyển dụng công chức cấp xã đối với 106 công chức, tuyển dụng thường xuyên 21 Trưởng Công an và 10 Chỉ huy Trưởng Quân sự xã. Nhìn chung, chất lượng trình độ, năng lực của đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã ngày càng được nâng cao, hầu hết công chức cấp xã đạt chuẩn theo quy định.

4.3. Thực hiện các quy định về quản lý cán bộ, công chức, viên chức

Công tác quản lý đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức ở tỉnh tiếp tục được thực hiện theo đúng quy định của Luật cán bộ, công chức, Luật viên chức và các văn bản hướng dẫn thi hành. Công tác bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ lãnh đạo ở các cơ quan, đơn vị, địa phương được thực hiện đúng quy trình, đảm bảo điều kiện, tiêu chuẩn, quy trình và dân chủ; các chế độ chính sách đối với CBCCVC được thực hiện kịp thời và đúng các quy định của Nhà nước.

4.4. Về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức

Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức luôn được tỉnh quan tâm nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ CBCCVC như: chỉnh sửa bộ tài liệu bồi dưỡng tiếng Jrai; phê duyệt Đề án “Giáo dục kiến thức hội nhập kinh tế cho thế hệ trẻ tỉnh”; ban hành Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng CB,CC cấp xã tỉnh giai đoạn 2015 - 2020 theo Quyết định số 124/QĐ-TTg ngày 16/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ; tuyển sinh theo chế độ cử tuyển Đại học ngành QLNN; bổ sung quy hoạch đào tạo sau đại học năm 2015 cho CB,CC,VC tỉnh và cho phép 30 CC,VC đi học Thạc sỹ; 01VC đi đào tạo Tiến sỹ; cho phép 03CB,CC đủ điều kiện tham gia lớp bồi dưỡng kiến thức QLNN chương trình CVCC và 01 CC đi học Thạc sỹ, 01 CC đi đào tạo Tiến sỹ... Trên cơ sở quy hoạch phát triển nguồn nhân lực của tỉnh đến năm 2020, UBND tỉnh đã xây dựng quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực của tỉnh theo từng giai đoạn, hàng năm xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC của tỉnh; công tác đào tạo, bồi dưỡng năm 2015 được triển khai thực hiện theo đúng kế hoạch UBND tỉnh đã ban hành, đến nay hoàn thành 100% Kế hoạch đề ra. Cụ thể, trong năm 2015, đã mở 27 lớp đào tạo, bồi dưỡng cho 1.272 CB,CC tỉnh, huyện, xã (trong đó, từ nguồn kinh phí của tỉnh: mở 11 lớp bồi dưỡng ngắn hạn cho 348 CBCCVC; mở 04 lớp bồi dưỡng kiến thức QLNN cho 273 CBCC xã; 03 lớp bồi

dưỡng kiến thức QLNN chương trình chuyên viên cho 152 CC tỉnh, huyện; Từ nguồn kinh phí theo Quyết định 1956 của Thủ tướng Chính phủ: mở 04 lớp bồi dưỡng chức danh cho 191 CC xã (Văn phòng - Thống kê: 40 CC, Tài chính - Kế toán: 41 CC, Tư pháp - Hộ tịch: 50 CC, Chủ tịch và Phó Chủ tịch HĐND-UBND xã cho 60 học viên); 05 lớp bồi dưỡng Trưởng mặt trận và đoàn thể xã cho 308 học viên (Cán bộ Mặt trận cấp xã, Chủ tịch Hội nông dân xã, Bí thư Đoàn thanh niên xã, Hội phụ nữ xã, Chủ tịch Hội cựu Chiến binh xã). Ngoài ra, các địa phương, các cơ sở đào tạo thường xuyên mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng các lớp tiếng Jrai, tin học...; các sở, ngành cũng đã mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn như Sở Thông tin và Truyền thông đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ CNTT; Sở Nội vụ tổ chức các lớp tập huấn công tác cải cách hành chính cho cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh...

4.5. Về đổi mới công tác quản lý cán bộ, công chức

Ngày 18/11/2014, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 4539/KH-UBND về việc tổ chức thi nâng ngạch công chức năm 2014 của tỉnh theo nguyên tắc cạnh tranh; căn cứ văn bản số 5415/BNV-CCVC ngày 17/12/2014 của Bộ Nội vụ về việc phê duyệt kế hoạch tổ chức thi nâng ngạch công chức năm 2014 của tỉnh Gia Lai, ngày 25-26/4/2015, tỉnh đã tổ chức thi nâng ngạch công chức từ ngạch nhân viên, cán sự hoặc tương đương lên ngạch chuyên viên hoặc tương đương năm 2014 theo đúng quy định.

Thực hiện chế độ hỗ trợ đào tạo sau đại học và chính sách thu hút người có trình độ cao về công tác tại tỉnh Gia Lai, tỉnh đã tuyển dụng 06 trường hợp đặc biệt vào công chức; 01 viên chức theo chính sách thu hút của tỉnh và 26 bác sĩ hệ cử tuyển vào viên chức sự nghiệp thuộc Sở Y tế và thanh toán chế độ hỗ trợ đào tạo sau Đại học và chính sách thu hút người có trình độ cao cho 50 công chức, viên chức.

5. Cải cách tài chính công

5.1. Về tình hình triển khai các chính sách về thuế

Thực hiện Chỉ thị số 24/CT-TTg ngày 05/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ Về việc tăng cường quản lý và cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực thuế, hải quan. Tỉnh đã thông báo chính sách thuế mới triển khai tới các doanh nghiệp, đơn vị hành chính sự nghiệp về nội dung Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về Thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế; Triển khai Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/2/2015 của Bộ Tài chính Hướng dẫn về thuế giá trị gia tăng và quản lý thuế tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về Thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 39/2014/TT-BTC ngày 31/03/2015 của Bộ Tài chính về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ; Triển khai mở rộng dịch vụ nộp thuế điện tử, Cục thuế tỉnh Gia Lai đã có Công văn số 829/CT-TTHT ngày 14/4/2015 về việc nộp thuế điện tử, đề nghị các tổ chức, doanh nghiệp liên hệ các ngân hàng thương mại thực hiện đăng ký và nộp thuế điện tử; triển khai thuế điện tử trên cổng thông tin điện tử của cơ quan thuế, có tài khoản ngân hàng thương mại đăng ký nộp thuế điện tử (Công văn số 964/TCT-CNTT ngày 20/3/2015).

5.2. Về tình hình triển khai các chính sách cải cách tiền lương, tiền công và các chính sách an sinh xã hội

Căn cứ Thông tư số 32/2015/TT-BTC ngày 17 tháng 03 năm 2015 của Bộ Tài chính Hướng dẫn xác định nhu cầu, nguồn và phương thức chi thực hiện điều chỉnh tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và người hưởng lương trong lực lượng vũ trang có hệ số lương từ 2,34 trở xuống theo nghị định số 17/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ; điều chỉnh trợ cấp đối với cán bộ xã đã nghỉ việc theo Nghị định số 09/2015/NĐ-CP ngày 22/01/2015 của Chính phủ. Ngày 31/3/2015, Sở Tài chính đã có Công văn số 462/STC-QLNS ngày 31/3/2015 về việc xác định nhu cầu, nguồn và phương thức thực hiện điều chỉnh tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức năm 2015 gửi các đơn vị dự toán cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố để hướng dẫn tổng hợp nhu cầu thực hiện cải cách tiền lương năm 2015 theo Nghị định số 66/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 06 năm 2013, Nghị định số 17/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ; điều chỉnh trợ cấp đối với cán bộ xã đã nghỉ việc theo Nghị định số 09/2015/NĐ-CP ngày 22/01/2015 của Chính phủ.

5.3. Thực hiện đổi mới cơ chế quản lý đối với cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập

a) Về thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP

Hiện nay 100% các cơ quan hành chính cấp tỉnh (42/42 đơn vị) và 91,7% cơ quan hành chính ở cấp huyện (300/327 cơ quan) được thực hiện giao quyền tự chủ về biên chế và tài chính theo Nghị định 130/2005/NĐ – CP và đã ban hành quy chế chi tiêu nội bộ theo quy định. Tất cả các cơ quan, đơn vị cơ bản thực hiện tốt nguyên tắc về cải cách tài chính công; bảo đảm tính hiệu quả, thống nhất, tính tập trung dân chủ, công khai, minh bạch trong quản lý biên chế và tài chính; xây dựng đầy đủ quy chế chi tiêu nội bộ, quản lý tài sản công đúng quy định của Luật ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính.

b) Về thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP

Hiện nay đã giao tự chủ 143/167 đơn vị, đạt 85,6% trên tổng số đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh quản lý, trong 24 đơn vị chưa giao tự chủ gồm (21 đơn vị do mới chuyển từ huyện về tỉnh quản lý và mới thành lập trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo, dạy nghề; 03 đơn vị mới thành lập và chưa đạt giường bệnh trong lĩnh vực y tế); Tổng số đơn vị cấp huyện được giao quyền tự chủ tài chính là 204 đơn vị/551 đơn vị, đạt 37% đơn vị đã thực hiện giao quyền tự chủ. Tất cả các đơn vị xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ theo đúng quy định tại Thông tư số 71/2006/TT-BTC ngày 09/8/2006 của Bộ Tài chính; khi xây dựng, đơn vị đã đưa ra thảo luận, góp ý một cách dân chủ, công khai trước khi ban hành quy chế.

c) Về thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định số 115/2005/NĐ-CP và Nghị định số 96/2010/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2005/NĐ-CP quy định cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức khoa học và công nghệ công lập: Không có đơn vị thuộc đối tượng thực hiện.

6. Hiện đại hóa nền hành chính

6.1. Ứng dụng CNTT trong hoạt động cơ quan hành chính nhà nước

Ngày 08/12/2014, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 706/QĐ-UBND về việc ban hành Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin tỉnh Gia Lai năm 2015. Theo Kế hoạch, các nhiệm vụ về ứng dụng CNTT sẽ được triển khai trong năm 2015 gồm 11 nội dung; đến nay đã hoàn thành 11/11 nội dung (đạt 100% KH) như: Hoàn thành việc xây dựng mô hình “một cửa điện tử” cho UBND cấp huyện; Đã triển khai việc cung cấp, lắp đặt thiết bị cho Trung tâm tích hợp dữ liệu; Hoàn thành các nhiệm vụ thuộc giai đoạn I của nhiệm vụ triển khai ứng dụng chữ ký số trong việc trao đổi văn bản điện tử trên địa bàn tỉnh (nhiệm vụ được triển khai từ năm 2015-0216); Đã triển khai thực hiện việc lựa chọn nhà thầu cung cấp, lắp đặt, cài đặt thiết bị phần cứng trong dự án Đầu tư xây dựng hệ thống bảo mật cho các cơ quan, đơn vị Nhà nước trên địa bàn tỉnh (dự án được triển khai từ năm 2015-0216); Hoàn thành việc mua thiết bị điều khiển hệ thống hội nghị truyền hình dự phòng; Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ CNTT cho cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh; Đã tổ chức thành công Hội thi Tin học trẻ tỉnh Gia Lai lần thứ 15 - năm 2015; Chi phí quản lý, vận hành, bảo trì, bảo dưỡng và duy trì hệ thống Hosting, Hội nghị truyền hình của tỉnh; Duy trì đường truyền Leased Line phục vụ hệ thống Hosting của tỉnh; Thuê dịch vụ đường truyền cho hệ thống Hội nghị truyền hình; Kinh phí hoạt động của Ban chỉ đạo ứng dụng CNTT tỉnh Gia Lai.

Tình hình triển khai ứng dụng công nghệ thông tin tại các cơ quan chuyên môn của tỉnh và các địa phương có những chuyển biến tích cực. Tỉnh đã triển khai ứng dụng phần mềm quản lý văn bản và điều hành cho toàn bộ 38 cơ quan, đơn vị hành chính cấp tỉnh và cấp huyện (21 cơ quan hành chính cấp tỉnh và 17 huyện, thị xã, thành phố), có 02 đơn vị là huyện Chư Sê và huyện Ia Grai đã triển khai phần mềm quản lý văn bản và điều hành đến cấp xã; Tất cả các cơ quan, đơn vị đều đã xây dựng mạng nội bộ (LAN) và các máy tính tại các phòng, ban chuyên môn thuộc các cơ quan, đơn vị đều được kết nối internet (trừ các máy tính được sử dụng để lưu hoặc soạn thảo các văn bản theo chế độ mật); Hệ thống thư điện tử công vụ của tỉnh có địa chỉ truy cập <http://mail.gialai.gov.vn> đã được nâng cấp, hiện có 50 cơ quan, đơn vị cấp tỉnh và đơn vị trực thuộc khác đăng ký sử dụng, thực hiện việc trao đổi thông tin, tài liệu bằng hộp thư điện tử công vụ của tỉnh và có hơn 6.200 CBCCVC được tạo lập hộp thư điện tử, tỷ lệ CBCCVC sử dụng thư điện tử cho công việc đạt khoảng 50%. Đến nay, các giấy mời họp, tài liệu lấy ý kiến, các bản dự thảo và một số văn bản thông thường đã được UBND tỉnh và các sở, ban, ngành gửi hoàn toàn qua hệ thống thư điện tử công vụ.

Nhằm góp phần nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước và cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư; làm cho hoạt động của cơ quan nhà nước được minh bạch hơn, phục vụ người dân và doanh nghiệp tốt hơn. Hiện nay trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh, tất cả dịch vụ công đều được cung cấp trực tuyến ở mức độ 1 và 2, 48 TTHC được cung cấp trực tuyến ở mức độ 3 (17 Phòng Kinh tế và Hạ tầng/Quản lý đô thị thuộc UBND các huyện, thị xã, thành phố 04 thủ tục tại địa chỉ <http://cpxdtructuyen.gialai.gov.vn>; Sở Giao thông vận tải 03 thủ tục tại địa chỉ <http://sgtvt.gialai.gov.vn>; Sở Công thương 41 thủ tục tại địa chỉ <http://dvcgialai.ekip.vn>).

Các cơ quan, địa phương tiếp tục duy trì cung cấp, tiếp nhận nội dung thông tin trực tuyến nhằm nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ hành chính công. Hiện đã có 17/17 đơn vị cấp huyện, 17/18 cơ quan chuyên môn cấp tỉnh có trang thông tin điện tử cung cấp đầy đủ thông tin theo Điều 28 của Luật Công nghệ thông tin, cung cấp tất cả các dịch vụ công trực tuyến mức 2 thuộc thẩm quyền giải quyết tại cơ quan, đơn vị mình. Hiện nay, các Trang thông tin điện tử đều hoạt động ổn định, cơ bản đã duy trì việc đưa tin, bài tuyên truyền chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các hoạt động của tỉnh, huyện, giới thiệu tiềm năng thế mạnh của địa phương đáp ứng tương đối tốt nhu cầu thông tin của người dân và doanh nghiệp ở địa phương và trong tỉnh.

6.2. Về áp dụng ISO trong hoạt động của cơ quan hành chính

Đến nay, có 54 cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh triển khai và áp dụng ISO hành chính (trong đó có 19 sở, ban, ngành, 17 huyện, thị xã, thành phố). Trong đó, có 34/54 cơ quan, đơn vị đã Quyết định công bố về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008 (trong đó có 19 cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và 10 đơn vị hành chính cấp huyện). Ngày 22/10/2014, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 596/UBND về việc ban hành Kế hoạch triển khai áp dụng HTQLCL theo tiêu chuẩn quốc gia ISO TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước theo Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; trong đó, quy định trong năm 2015 thực hiện thí điểm ở cấp xã là mỗi huyện 01 thị trấn, thị xã 01 phường và thành phố 02 phường; tuy nhiên, đến nay chưa có đơn vị nào công bố phù hợp với Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008.

Ngày 06/02/2015, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 69/QĐ-UBND về việc phê duyệt Kế hoạch kiểm tra việc xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 tại các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính Nhà nước. Qua kiểm tra, hầu hết các đơn vị đã xây dựng được một hệ thống quy trình đồng bộ, loại bỏ cơ bản các thủ tục rườm rà, phức tạp, thời gian giải quyết hồ sơ thực hiện đúng, đủ, theo hướng đơn giản, rút ngắn thời gian giải quyết đúng quy định, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức và công dân trong giao dịch với chính quyền.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những ưu điểm

Công tác chỉ đạo, điều hành thực hiện nhiệm vụ CCHC từ tỉnh đến huyện, xã tiếp tục được các cơ quan, địa phương tập trung quan tâm, chỉ đạo thường xuyên, xem đây là giải pháp quan trọng nhằm đẩy mạnh triển khai có hiệu quả và chất lượng công tác CCHC. Việc triển khai các nhiệm vụ CCHC năm được các sở, ngành và UBND cấp huyện chủ động triển khai thực hiện và hoàn thành kế hoạch của tỉnh đã đề ra.

Công tác tuyên truyền CCHC tiếp tục được các cấp, các ngành quan tâm, đẩy mạnh. Các phương tiện thông tin, truyền thông như Cổng thông tin điện tử tỉnh, trang thông tin của các sở, ngành, các huyện, thị, thành phố, Báo Gia Lai, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Đài PTTH của 17 huyện, thị xã, thành phố... thường xuyên đưa

tin, cập nhật thông tin đầy đủ, nhờ đó các chủ trương, đường lối, chính sách, quy định mới của Đảng và Nhà nước được phổ biến sâu rộng trong nhân dân.

Công tác thanh tra, kiểm tra việc triển khai nhiệm vụ CCHC được các ngành, các cấp quan tâm thường xuyên kết hợp cùng với việc đẩy mạnh hoạt động kiểm tra công vụ, đổi mới phương pháp kiểm tra đột xuất đã góp phần quan trọng vào công tác phòng, chống tham nhũng, nâng cao ý thức trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức trong thực thi công vụ, hạn chế việc gây phiền hà, nhũng nhiễu, quan liêu, hách dịch đối với người dân.

Được sự quan tâm chỉ đạo và tổ chức thực hiện của lãnh đạo các cấp, các ngành trên địa bàn tỉnh, công tác kiểm soát TTHC của tỉnh tiếp tục được thực hiện nghiêm túc và có những chuyển biến tích cực. Các đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh thực hiện nhiều giải pháp để nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác cải cách TTHC, kiểm soát TTHC, công tác giải quyết TTHC cho tổ chức và cá nhân.

Bộ máy các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, cấp huyện tiếp tục duy trì hoạt động ổn định, hiệu lực, hiệu quả phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, tính chất hoạt động, yêu cầu, phạm vi và đối tượng quản lý tạo ra sự thống nhất từ tỉnh đến huyện; các cơ quan, đơn vị, địa phương chấp hành tốt việc quản lý, sử dụng biên chế, đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội của tỉnh; công tác quản lý, sử dụng công chức, viên chức đảm bảo đúng chỉ tiêu biên chế, công khai, dân chủ, tuân thủ các quy định của pháp luật và đáp ứng kịp thời nhu cầu của các cơ quan, đơn vị; các chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức của các cơ quan, tổ chức, đơn vị được thực hiện đúng quy định. Công tác đào tạo, bồi dưỡng được triển khai thực hiện theo đúng kế hoạch đã ban hành.

Kết quả thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tổ chức, bộ máy, biên chế và tài chính cho tất cả các cơ quan hành chính cấp tỉnh theo Nghị định 130/2005/NĐ - CP đã tạo chủ động trong công tác quản lý và chi tiêu tài chính, tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ, công chức trong cơ quan luôn an tâm công tác hoàn thành nhiệm vụ đảm bảo chất lượng, hiệu quả công việc được UBND tỉnh giao; Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ đối với đơn vị sự nghiệp công lập đã tạo điều kiện cho đơn vị chủ động tổ chức hoạt động dịch vụ tăng nguồn thu, chủ động phân bổ nguồn tài chính của đơn vị theo nhu cầu chi tiêu đối với từng lĩnh vực trên tinh thần tiết kiệm, thiết thực và hiệu quả. Cơ chế tự chủ tạo điều kiện cho đơn vị sự nghiệp thực hiện việc kiểm soát chi tiêu nội bộ, phát huy tính dân chủ, chủ động, sáng tạo của người lao động; nâng cao kỹ năng quản lý, chất lượng hoạt động sự nghiệp; các đơn vị hành chính - sự nghiệp thuộc huyện, thị xã, thành phố hầu hết thực hiện tiết kiệm trong quản lý, sử dụng kinh phí và hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Nhiều ứng dụng CNTT trong công tác cải cách hành chính đã được triển khai như hệ thống quản lý văn bản và điều hành đã được triển khai đến 100% cơ quan nhà nước thuộc UBND tỉnh; 100% UBND cấp huyện triển khai mô hình “Một cửa điện tử”; Hệ thống hội nghị truyền hình qua mạng hoạt động ổn định và phát huy hiệu quả đầu tư, phục vụ công tác hội họp trực tuyến giữa UBND tỉnh, các sở, ban, ngành với UBND các huyện, thị xã, thành phố, nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động chỉ đạo điều

hành của lãnh đạo tỉnh và tiết kiệm chi phí khi tổ chức các cuộc họp tập trung. Hầu hết cơ quan, đơn vị cấp tỉnh và đơn vị trực thuộc khác trên địa bàn tỉnh đã đăng ký sử dụng, trao đổi tài liệu bằng hộp thư điện tử công vụ của tỉnh; phần lớn cán bộ, công chức đã quen dần với việc sử dụng hộp thư điện tử công vụ và phần mềm quản lý điều hành và văn bản trong xử lý, trao đổi công việc và chia sẻ thông tin.

2. Những tồn tại, hạn chế trong thực hiện cải cách hành chính

Một số cơ quan, đơn vị chưa đảm bảo tiến độ trong việc tham mưu cấp thẩm quyền ban hành văn bản QPPL theo Chương trình ban hành văn bản QPPL hàng năm của tỉnh; công tác cập nhật, thống kê trình công bố TTHC mới, TTHC sửa đổi, bổ sung, TTHC bãi bỏ, hủy bỏ chưa được các sở, ngành tỉnh tiến hành thường xuyên, kịp thời.

Về triển khai giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ đối với đơn vị cấp huyện đạt tỷ lệ thấp so với yêu cầu.

Một số ứng dụng CNTT trong các cơ quan nhà nước như: Phần mềm quản lý văn bản và điều hành, trang thông tin điện tử, thư điện tử công vụ, hệ thống "Một cửa điện tử", dịch vụ công trực tuyến mức độ 3... đã được đầu tư ở một số địa phương nhưng hiệu quả sử dụng còn hạn chế, một số huyện chưa quyết tâm triển khai mô hình chính quyền điện tử, tỷ lệ sử dụng thư điện tử công vụ, trao đổi văn bản điện tử còn thấp so với chỉ tiêu do Chính phủ quy định; Các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 tuy đã được tỉnh và các sở, ngành xây dựng nhưng doanh nghiệp và người dân chưa quan tâm sử dụng, làm hạn chế hiệu quả đầu tư; Kinh phí đầu tư cho ứng dụng CNTT còn rất ít so với nhu cầu phát triển và kế hoạch, do đó nhiều dự án, mục tiêu ứng dụng CNTT vào công tác CCHC chưa được thực hiện.

Việc xây dựng quy định về việc thực hiện cơ chế một cửa liên thông ở một số cơ quan và nhiều địa phương còn chậm. Cơ sở vật chất, trang thiết bị tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã chưa đáp ứng yêu cầu thực tế đặt ra.

Sự phối hợp công tác giữa các cơ quan được UBND tỉnh giao nhiệm vụ chủ trì triển khai các lĩnh vực CCHC của tỉnh thực hiện chưa tốt, chưa thực hiện đầy đủ trách nhiệm giám sát, đôn đốc các cơ quan, địa phương báo cáo CCHC định kỳ, hướng dẫn việc triển khai nhiệm vụ CCHC đảm bảo yêu cầu theo kế hoạch của tỉnh.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG VÀ NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TRONG NĂM 2016

1. Xây dựng kế hoạch để triển khai kịp thời và tổ chức thực hiện tốt các mục tiêu nhiệm vụ cải cách hành chính của tỉnh; Tăng cường kiểm tra về thực hiện công tác CCHC; Đẩy mạnh công tác tuyên truyền mục đích, ý nghĩa, nội dung cải cách hành chính; các chủ trương, chính sách liên quan đến cải cách hành chính; thành quả đạt được trong cải cách hành chính đến mọi người dân, doanh nghiệp bằng nhiều hình thức; Tập trung nâng cao chất lượng công tác chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện hiệu quả nhiệm vụ cải cách hành chính tại các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nhằm góp phần thực

hiện nhiệm vụ cải cách hành chính năm 2016 của tỉnh; Tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh; thường xuyên rà soát, đánh giá, thống kê các nhiệm vụ giao cho các cấp, các ngành; nâng cao hiệu quả công tác phối hợp giữa các cấp, các ngành trong công tác giải quyết, tham mưu, thực hiện nhiệm vụ được UBND tỉnh giao.

2. Thực hiện đúng quy trình xây dựng, ban hành văn bản QPPL theo quy định; Tăng cường kiểm tra, tự kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền, đơn đốc và theo dõi việc xử lý văn bản trái pháp luật của UBND các cấp; thực hiện rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật để kịp thời sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ cho phù hợp với thực tiễn và quy định của pháp luật hiện hành.

3. Thường xuyên rà soát các quy định, TTHC để kịp thời sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ nhằm đơn giản hoá, tháo gỡ các rào cản về thủ tục hành chính, cắt giảm thời gian, chi phí của người dân và doanh nghiệp trong tuân thủ TTHC; Kịp thời công bố, cập nhật khi có điều chỉnh, bổ sung và tăng cường kiểm tra việc công bố, công khai thủ tục hành chính ở các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện, xã; Đảm bảo thực hiện tốt việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính.

4. Tiếp tục sắp xếp kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện theo Nghị định số 24/2014/NĐ-CP và Nghị định số 37/2014/NĐ-CP của Chính phủ; rà soát về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và biên chế hiện có của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, trên cơ sở đó điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức các cơ quan, đơn vị nhằm khắc phục tình trạng chồng chéo, bỏ trống hoặc trùng lặp về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; Rà soát, hoàn thiện các quy định và nâng cao hiệu quả, hiệu lực việc thực hiện phân cấp và ủy quyền đối với các lĩnh vực quản lý nhà nước; đồng thời thực hiện tốt công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý sau phân cấp.

5. Sau khi Bộ Nội vụ thẩm định Đề án vị trí việc làm, tỉnh sẽ triển khai rà soát và tổ chức bố trí công chức, viên chức theo đúng vị trí việc làm và ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức; Tập trung đào tạo, sắp xếp và nâng cao chất lượng đội ngũ CBCCVC theo vị trí việc làm và tiêu chuẩn chức danh, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, năng lực công tác, bản lĩnh chính trị cho CBCCVC, bảo đảm việc bồi dưỡng phù hợp với thực tế của cơ quan, đơn vị, chú trọng bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng làm việc, xử lý tình huống, nghiệp vụ quản lý hành chính Nhà nước; đào tạo đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã đạt chuẩn theo quy định, tập trung đào tạo đại học chuyên ngành cho công chức cấp xã; thu hút nguồn nhân lực có chất lượng cao phù hợp với điều kiện thực tế về công tác tại tỉnh.

6. Nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về biên chế, tài chính đối với các cơ quan hành chính trên địa bàn tỉnh theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ và đối với đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định 43/2006/NĐ-CP; Nghị định số 16/2015/NĐ-CP của Chính phủ; Tiếp tục giao tự chủ cho các đơn vị cấp tỉnh chưa được giao tự chủ theo Nghị định số 43; Đơn đốc các

huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính cho các đơn vị sự nghiệp công lập còn lại chưa giao quyền tự chủ tự chịu trách nhiệm theo Nghị định 43/2006/NĐ-CP.

7. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành, đẩy mạnh thực hiện trao đổi văn bản điện tử thay thế cho văn bản giấy trong quản lý, chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện; Triển khai mô hình một cửa điện tử cho các sở, ban, ngành cấp tỉnh và nhân rộng Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại cấp huyện theo Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg ngày 25/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ; Nâng cao hiệu quả cung cấp và sử dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, triển khai một số dự án năm 2016 nhằm tiến tới cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4.

8. Tiếp tục chấn chỉnh, duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn Việt Nam TCVN ISO 9001:2008 trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước theo quy định tại Quyết định 19/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; Triển khai áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn Việt Nam TCVN ISO 9001:2008 đến cấp xã.

9. Tiếp tục duy trì việc tổ chức triển khai, nâng cao chất lượng, hiệu quả cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông theo Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg ngày 25/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ. Tổ chức thực hiện cơ chế một cửa liên thông tại UBND cấp huyện và các cơ quan có TTHC liên thông.

Trên đây là kết quả công tác CCHC năm 2015 và nhiệm vụ công tác CCHC năm 2016 của tỉnh Gia Lai, UBND tỉnh báo cáo Bộ Nội vụ theo dõi, tổng hợp.//

Nơi nhận:

- Phó TTg CP Nguyễn Xuân Phúc;
- Bộ Nội vụ (vụ CCHC);
- TT.Tỉnh ủy; TT.HĐND tỉnh;
- Ban Dân vận Tỉnh ủy;
- UBMTTQ và các đoàn thể tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh;
- Thủ trưởng các Sở, ban, ngành tỉnh;
- Chủ tịch UBND huyện, thị xã, thành phố;
- Kho bạc NN tỉnh; Công an tỉnh; Bảo hiểm XH tỉnh; Hải quan Gia Lai-Kon Tum; Cục thuế tỉnh (phối hợp);
- Báo Gia Lai; Đài PTTH tỉnh;
- Ban Thi đua-khen thưởng tỉnh;
- Lưu: VT, NC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Võ Ngọc Thành

Phụ lục 1

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC KẾ HOẠCH

Kèm theo Báo cáo số: 188 /BC-UBND ngày 09 / 12 /2015 của UBND tỉnh



TT		Thời gian ban hành	Số nhiệm vụ/số đơn vị có trách nhiệm thực hiện	Số nhiệm vụ/ số đơn vị hoàn thành nhiệm vụ được giao	Ghi chú
1.	Kế hoạch cải cách hành chính năm	09/12/2014	33/7	33/7	
2.	Kế hoạch kiểm tra cải cách hành chính năm	20/01/2015	6/3	6/3	
3.	Kế hoạch tuyên truyền CCHC năm của tỉnh	09/12/2014	8/8	8/8	
4.	Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC năm của tỉnh	09/12/2014	17/3	17/3	
5.	Kế hoạch kiểm tra, đánh giá tình hình tổ chức và hoạt động của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện	12/11/2014	6/4	6/4	
6.	Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức của tỉnh	12/02/2015	30/12	30/12	
7.	Kế hoạch ứng dụng CNTT của tỉnh	08/12/2014	11	11	

Phụ lục 2

THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ THEO CÁC TIÊU CHÍ THỰC HIỆN CCHC
(Kèm theo Báo cáo số: 188 /BC-UBND ngày 09 /12 /2015 của UBND tỉnh)



TT	Tiêu chí	Tổng số	Chia ra theo cấp hành chính			Ghi chú
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	
1.	Số cơ quan trong kế hoạch kiểm tra CCHC được phê duyệt	15	5	10	-	
2.	Số cơ quan được kiểm tra về CCHC	15	5	10	-	
3.	Số cơ quan công khai đầy đủ, đúng quy định Bộ TTHC tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	258	19	17	222	
4.	Số cơ quan chuyên môn trong kế hoạch kiểm tra, đánh giá tình hình tổ chức và hoạt động	12	6	6	-	
5.	Số cơ quan được kiểm tra về tình hình tổ chức và hoạt động	12	6	6		
6.	Số cơ quan có cơ cấu công chức theo vị trí việc làm được phê duyệt	36	19	17		
7.	Số đơn vị sự nghiệp dịch vụ công trực thuộc có cơ cấu viên chức theo vị trí việc làm được phê duyệt	591	182	409	-	
8.	Số cơ quan hành chính thực hiện đúng cơ cấu công chức được phê duyệt	36	19	17	-	
9.	Số đơn vị sự nghiệp dịch vụ công thực hiện đúng cơ cấu viên chức được phê duyệt	591	182	409	-	
10.	Số cơ quan hành chính thực hiện đúng quy định về tuyển dụng công chức, viên chức	-	-	-	-	
11.	Số cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp dịch vụ công thực hiện đúng quy định về sử dụng, bổ nhiệm, khen thưởng và các chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức	849	201	426	222	
12.	Số cơ quan hành chính thực hiện cơ chế khoán biên chế và kinh phí hành chính theo ND 130	342	42	300	-	
13.	Số cơ quan hành chính ban hành quy chế chi tiêu nội bộ để triển khai cơ chế khoán biên chế và kinh phí hành chính theo Nghị định 130	342	42	300	-	

TT	Tiêu chí	Tổng số	Chia ra theo cấp hành chính			Ghi chú
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	
14.	Cơ quan hành chính ban hành chỉ tiêu đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao làm căn cứ chỉ trả thu nhập tăng thêm cho công chức	342	42	300	-	
15.	Số đơn vị sự nghiệp thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo ND 43	347	143	204	-	
16.	Đơn vị sự nghiệp công lập ban hành quy chế chi tiêu nội bộ	347	143	204	-	
17.	Đơn vị sự nghiệp công lập ban hành tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao làm căn cứ chỉ trả thu nhập tăng thêm cho người lao động	59		59	-	
18.	Số tổ chức khoa học và công nghệ công lập được phê duyệt đề án chuyển đổi tổ chức và hoạt động theo ND 115	0	0		-	
19.	Số tổ chức khoa học và công nghệ công lập ban hành quy chế chi tiêu nội bộ	0	0		-	
20.	Số tổ chức khoa học và công nghệ công lập ban hành tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao làm căn cứ chỉ trả thu nhập tăng thêm cho người lao động	0	0		-	
21.	Số cơ quan, đơn vị triển khai ứng dụng phần mềm quản lý văn bản	53	21	17	15	
22.	Số cơ quan, đơn vị sử dụng mạng nội bộ (mạng LAN) để trao đổi công việc	53	21	17	15	
23.	Số cơ quan, đơn vị có Cổng (hoặc Trang) thông tin điện tử	34	17	17	-	
24.	Số cơ quan, đơn vị được cấp chứng chỉ ISO	54	37	17		
25.	Số cơ quan, đơn vị thực hiện đúng quy định ISO trong hoạt động	54	37	17		
26.	Số cơ quan, đơn vị có giải quyết công việc liên quan trực tiếp tới người dân, doanh nghiệp triển khai cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông	258	19	17	222	
27.	Số cơ quan, đơn vị đạt yêu cầu về cơ sở vật chất, trang thiết bị theo quy định	118	15	15	88	
28.	Số cơ quan, đơn vị thực hiện mô hình một cửa hiện đại	19	2	17		

Phụ lục 3

THÔNG KÊ SỐ LƯỢNG CƠ QUAN, ĐỊA PHƯƠNG

(Kèm theo Báo cáo số: 188 /BC-UBND ngày 09 / 12 /2015 của UBND tỉnh)



STT	Loại cơ quan	Tổng số	Chia ra			Ghi chú
			Theo cấp hành chính			
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	
1	Cơ quan hành chính	258	19	17	222	
2	Đơn vị sự nghiệp công lập (đơn vị sự nghiệp dịch vụ công) trực thuộc	718	167	551	-	
3	Tổ chức khoa học và công nghệ công lập	0	0	0	-	

Phụ lục 4

SỐ LƯỢNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

(Kèm theo Báo cáo số: 188/BC-UBND ngày 09/11/2015 của UBND tỉnh)

TT	Tiêu chí	Tổng số	Chia ra theo cấp hành chính			Tỷ lệ % (so với tổng số TTHC trong bộ TTHC)	Ghi chú
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã		
1	Số TTHC được công khai đầy đủ, đúng quy định trên cổng (hoặc Trang) thông tin điện tử của tỉnh	1.563	1.109	239	215	100%	
2	Số lượng các TTHC thực hiện ở cơ quan, địa phương được giải quyết theo cơ chế một cửa	1.563	1.109	239	215	100%	
3	Số TTHC giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông	-	-	-	-		

Phụ lục 5

TỜNG HỢP CÁC VẤN ĐỀ XỬ LÝ TRONG QUÁ TRÌNH TRIỂN KHAI NHIỆM VỤ CCHC

(Kèm theo Báo cáo số: 188 /BC-UBND ngày 09 /12/2015 của UBND tỉnh)



STT	Tiêu chí	Tổng số	Đã xử lý/đã thực hiện	Tỷ lệ % so với tổng số	Ghi chú
1	Số vấn đề đặt ra sau kiểm tra CCHC	6	6/6	100%	
2	Số phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của địa phương	01	01	100%	
3	Số vấn đề đặt ra sau kiểm tra, đánh giá tình hình tổ chức và hoạt động của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện	6	6/6	100%	
4	Số vấn đề phát hiện sau khi rà soát VBQPPL thực hiện tại địa phương	120	115	95,8%	
5	Số vấn đề phát hiện sau khi tiến hành kiểm tra VBQPPL tại địa phương	63	63	100%	
6	Số quy định của Chính phủ về phân cấp được thực hiện ở địa phương				
7	Số VBQPPL được tổ chức triển khai thực hiện tại địa phương				
8	Số VBQPPL thực hiện tại địa phương được kiểm tra				
9	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra việc thực hiện VBQPPL tại địa phương				

Phụ lục 6
CÁN BỘ, CÔNG CHỨC CẤP XÃ
(Kèm theo Báo cáo số: 188/BC-UBND ngày 09/12/2015 của UBND tỉnh)

STT	Tên chỉ	Tổng số	Tỷ lệ % so với tổng số	Ghi chú
1	Số lượng công chức cấp xã	2.375	-	
2	Số lượng cán bộ, công chức cấp xã đạt chuẩn theo quy định	3.719	78.05%	
3	Số cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ trong năm	3.431	72%	